

NGHỊ QUYẾT

**Về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học
trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH SƠN LA
KHÓA XIV, KỲ HỌP THỨ 11**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ về việc hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách Nhà nước năm 2015;

Xét Tờ trình số 350/TTr-UBND ngày 05/11/2019 của UBND tỉnh; Báo cáo thẩm tra số 555/BC-VHXH ngày 02/12/2019 của Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh và thảo luận tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La.

1. Đối tượng áp dụng

1.1. Giáo viên đang công tác tại các trường: mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, Trung học phổ thông Chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có nhiều cấp học trên địa bàn tỉnh; giảng viên các trường: cao đẳng, trung cấp của tỉnh đạt thành tích cao trong công tác giảng dạy; chuyên gia tham gia dạy đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia.

1.2. Học sinh, sinh viên, học viên đang học tập, rèn luyện tại các trường: tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông, trung học phổ thông Chuyên, trường phổ thông dân tộc nội trú, trường phổ thông có nhiều cấp học; trường đại học, cao đẳng, trung cấp.

2. Nội dung và mức hỗ trợ (quy định tại phụ lục số 01, 02, 03 kèm theo)

3. Nguồn kinh phí: Ngân sách địa phương đảm bảo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. UBND tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND, Tổ đại biểu và đại biểu HĐND tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này thực hiện từ năm học 2019 - 2020 và thay thế Nghị quyết số 82/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh về chính sách khuyến khích nâng cao chất lượng dạy và học trong hoạt động giáo dục và đào tạo tỉnh Sơn La; Nghị quyết số 21/2016/NQ-HĐND ngày 14/12/2016 của HĐND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung Nghị quyết số 82/2014/NQ-HĐND ngày 16/7/2014 của HĐND tỉnh; Nghị quyết số 52/2017/NQ-HĐND ngày 12/7/2017 của HĐND tỉnh về chính sách hỗ trợ cán bộ quản lý, giáo viên, học sinh trường Trung học phổ thông Chuyên và các trường phổ thông dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh.

Nghị quyết này đã được HĐND tỉnh Sơn La, Khóa XIV, Kỳ họp thứ 11 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2019 và có hiệu lực sau ngày 01 tháng 01 năm 2020./.

Nơi nhận: *ms*

- Ủy ban thường vụ Quốc hội; Chính phủ;
- Văn phòng: Quốc hội; Chủ tịch nước; Chính phủ;
- Ban công tác đại biểu của UBTWQH; Bộ Tư pháp;
Bộ Tài Chính; Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- Vụ pháp chế - Bộ Giáo dục và Đào tạo;
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính;
- Ban Thường vụ tỉnh ủy;
- TT HĐND; UBND; UBNDTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Đại biểu HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, Đoàn thể của tỉnh;
- VP: Tỉnh ủy, ĐDBQH, HĐND, UBND tỉnh;
- TT huyện ủy, Thành ủy, HĐND; UBND huyện, TP;
- TT Đảng ủy, HĐND, UBND xã, phường, thị trấn;
- Các Trung tâm: Thông tin tỉnh, lưu trữ lịch sử tỉnh;
- Lưu: VT, Linh.

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng

PHỤ LỤC SỐ 01

NỘI DUNG, MỨC CHI KHUYẾN KHÍCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC ĐỐI VỚI HỌC SINH, HỌC VIÊN CÁC CẤP HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung khuyến khích	Điều kiện để được khuyến khích	Mức chi <i>(đơn vị tính: nghìn đồng)</i>
1	Đạt giải qua các kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp		
1.1	Cấp huyện.		
a	Giải nhất.		800.000/người
b	Giải nhì.		500.000/người
c	Giải ba.		300.000/người
d	Giải khuyến khích.		200.000/người
1.2	Cấp tỉnh.		
a	Giải nhất.		1.500.000/người
b	Giải nhì.		800.000/người
c	Giải ba.		600.000/người
d	Giải khuyến khích.		300.000/người
1.3	Cấp quốc gia.		
a	Giải nhất.		10.000.000/người
b	Giải nhì.		8.000.000/người
c	Giải ba.		6.000.000/người
d	Giải khuyến khích.		4.000.000/người
1.4	Cấp quốc tế.		
a	Huy chương vàng.		50.000.000/người
b	Huy chương bạc.		40.000.000/người
c	Huy chương đồng.		30.000.000/người
2	Đạt giải qua các kỳ thi khác do Bộ Giáo dục - Đào tạo tổ chức		
2.1	Thi khoa học kỹ thuật cho học sinh trung học	Là thí sinh tham dự cuộc thi đạt được giải thưởng cá nhân trong kỳ thi	
a	Cấp huyện		
-	Giải nhất		400.000/người
-	Giải nhì		300.000/người
-	Giải ba		200.000/người
-	Giải khuyến khích		100.000/người
b	Cấp tỉnh		
-	Giải nhất		500.000/người
-	Giải nhì		400.000/người
-	Giải ba		300.000/người
-	Giải khuyến khích		200.000/người
c	Cấp Quốc gia		

-	Giải nhất		1.000.000/người
-	Giải nhì		800.000/người
-	Giải ba		600.000/người
-	Giải khuyến khích		300.000/người
2.2	Thi khoa học kỹ thuật cho học sinh trung học	Đạt giải tập thể	
a	Cấp tỉnh		
-	Giải nhất		1.500.000/tập thể
-	Giải nhì		800.000/tập thể
-	Giải ba		600.000/tập thể
-	Giải khuyến khích		400.000/tập thể
b	Cấp Quốc gia		
-	Giải nhất		2.000.000/tập thể
-	Giải nhì		1.500.000/tập thể
-	Giải ba		1.000.000/tập thể
-	Giải khuyến khích		800.000/tập thể
2.3	Thi quốc phòng - an ninh cho học sinh trung học phổ thông	Là thí sinh tham dự cuộc thi đạt được giải thưởng trong kỳ thi quốc phòng - an ninh	
a	Cấp huyện		
-	Giải nhất		400.000/người
-	Giải nhì		300.000/người
-	Giải ba		200.000/người
-	Giải khuyến khích		100.000/người
b	Cấp tỉnh		
-	Giải nhất		500.000/người
-	Giải nhì		400.000/người
-	Giải ba		300.000/người
-	Giải khuyến khích		200.000/người
c	Cấp Quốc gia		
-	Giải nhất		1.000.000/người
-	Giải nhì		800.000/người
-	Giải ba		600.000/người
-	Giải khuyến khích		300.000/người

3	Đạt thành tích cao trong học tập, rèn luyện		
3.1	Cả cấp học		
a	Cấp tiểu học	Năm học 2015-2016 được xếp loại các môn học, hoạt động giáo dục ở mức hoàn thành; năng lực và phẩm chất ở mức đạt; các môn học trong kỳ kiểm tra định kỳ cuối năm học đạt từ điểm 9 trở lên. Từ năm học 2016 - 2017 trở đi hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện; kết quả đánh giá các môn học đạt mức hoàn thành tốt; các năng lực, phẩm chất đạt tốt, bài kiểm tra định kỳ cuối năm học đạt từ điểm 9 trở lên. Có bố mẹ, người giám hộ hoặc bản thân có hộ khẩu thường trú tại các xã, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh trong các năm học của cả cấp học được xếp loại hoàn thành các môn học; năng lực và phẩm chất xếp loại đạt; các môn học trong kỳ kiểm tra định kỳ cuối năm học đạt từ điểm 7 trở lên.	1.500.000/người
b	Cấp trung học cơ sở	Xếp loại học lực giỏi, hạnh kiểm tốt trong các năm học của cấp học. Riêng học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh được xếp loại học lực và hạnh kiểm khá trở lên trong tất cả các năm học.	2.300.000/người
c	Cấp trung học phổ thông	Xếp loại học lực giỏi, hạnh kiểm tốt trong các năm học của cấp học. Riêng học sinh có hộ khẩu thường trú tại các xã, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh được xếp loại học lực và hạnh kiểm khá trở lên trong tất cả các năm học.	3.000.000/người
3.2	Từng năm học		<i>Học sinh, học viên là người dân tộc Mông, Dao, Khơ Mú, Xinh Mun, Kháng, La Ha, Lào; con liệt sĩ; con thương binh hạng 1/4; người khuyết tật.</i>
a	Cấp tiểu học	Xếp loại hoàn thành xuất sắc các nội dung học tập và rèn luyện	800.000/người
		Có kết quả nội dung học tập đạt mức hoàn thành; năng lực và phẩm chất ở mức đạt; bài kiểm tra định kỳ cuối năm học đạt từ điểm 7 trở lên.	500.000/người
b	Cấp trung học cơ sở; trung học phổ thông	Xếp loại học lực giỏi, hạnh kiểm tốt trong năm học.	800.000/người
		Xếp loại học lực giỏi, hạnh kiểm khá trong năm học.	600.000/người
		Xếp loại học lực khá, hạnh kiểm khá trong năm học.	500.000/người
4	Đối với học sinh trường THPT Chuyên		
4.1	Hỗ trợ sinh hoạt phí theo thời gian ở nội trú.	Có hộ khẩu thường trú cách trường 15km trở lên, phải ở nội trú hoặc nhà trọ. Trừ học sinh được hỗ trợ bán trú theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP; Nghị định số 57/2017/ND-CP của Chính Phủ.	150.000/học sinh/tháng
4.2	Hỗ trợ chi phí học tập theo thời gian ở nội trú và được ưu tiên sắp xếp chỗ ở nội trú		

a		Là người dân tộc Mông, Dao, Khơ Mú, Sinh Mun, Kháng, Lào; con liệt sĩ; con thương binh hạng 1/4.	1.190.000/học sinh/tháng
b		Ngoài quy định tại Tiết a, Điểm 4.2, phụ lục này, bản thân hoặc bố mẹ, người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh. Nhà ở xa trường từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính Phủ thì được hỗ trợ thêm	596.000/học sinh/tháng
c		Học sinh là người dân tộc La Ha ngoài được hưởng chính sách hỗ trợ tại Nghị định số 57/2017/NĐ-CP của Chính Phủ thì được hỗ trợ thêm	894.000/học sinh/tháng
d		Ngoài quy định tại Tiết c, Điểm 4.2, phụ lục này, bản thân hoặc bố mẹ, người giám hộ có hộ khẩu thường trú tại xã khu vực III, bản đặc biệt khó khăn của tỉnh. Nhà ở xa trường từ 10 km trở lên hoặc địa hình cách trở, giao thông đi lại khó khăn, phải qua sông, suối không có cầu; qua đèo, núi cao; qua vùng sạt lở đất, đá theo Nghị định số 116/2016/NĐ-CP của Chính Phủ thì được hỗ trợ thêm	596.000/học sinh/tháng
4.3	Học bổng học tập	Trong học kỳ của năm học xếp loại học lực giỏi, hạnh kiểm tốt và có điểm tổng kết môn chuyên từ 8.5 trở lên. Thời gian hỗ trợ: 4,5 tháng/học kỳ	220.000/học sinh/tháng
5	Đối với học sinh THPT, trường THPT Chuyên và PTDT nội trú dạy giải trong kỳ thi học sinh giỏi		
5.1	Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi	Học sinh các trường THPT, trường THPT Chuyên, PTDT nội trú trong năm học đạt giải các môn văn hóa trong kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp Quốc gia, khu vực, quốc tế. Thời gian hỗ trợ bằng 9 tháng của năm học khi học sinh đạt giải.	
a	Giải khuyến khích cấp Quốc gia		440.000/học sinh/tháng
b	Giải ba cấp quốc gia		590.000/học sinh/tháng
c	Giải nhì cấp quốc gia		750.000/học sinh/tháng
d	Giải nhất cấp quốc gia, giải khuyến khích trở lên cấp khu vực và quốc tế		1.500.000/học sinh/tháng
5.2	Học sinh tham gia bồi dưỡng đội tuyển dự thi các kỳ thi chọn học sinh giỏi	Học sinh các trường THPT, trường THPT Chuyên và PTDT nội trú trong năm học được cử tham gia bồi dưỡng đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp Quốc gia, khu vực, quốc tế. Thời gian hỗ trợ theo thời gian bồi dưỡng thực tế nhưng tối đa không quá 03 tháng/kỳ thi.	1.500.000/học sinh/tháng
5.3	Học sinh tham gia bồi dưỡng đội tuyển dự thi kỳ thi chọn học sinh giỏi	Học sinh các trường THPT, trường THPT Chuyên và PTDT nội trú được cử tham gia bồi dưỡng đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp Quốc gia, khu vực, quốc tế. Thời gian hỗ trợ không quá 15 ngày/kỳ thi.	500.000/học sinh/ngày


CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

PHỤ LỤC SỐ 02

NỘI DUNG, MỨC CHI KHUYẾN KHÍCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC ĐỐI VỚI HỌC SINH, SINH VIÊN HỌC TẬP TẠI CÁC TRƯỜNG TRUNG CẤP, CAO ĐẲNG, ĐẠI HỌC

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung	Điều kiện để được khuyến khích	Mức chi
			<i>(đơn vị tính: nghìn đồng)</i>
I	Khuyến khích một lần cho học sinh, sinh viên trúng tuyển đại học, cao đẳng, trung cấp	Là người dân tộc Mông, Dao, Khơ Mú, La Ha, Kháng, Xinh Mun, Lào; con liệt sỹ; con thương binh hạng 1/4 có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Sơn La.	
1	Trúng tuyển đại học		3.000.000/người
2	Trúng tuyển cao đẳng		2.000.000/người
3	Trúng tuyển vào học trung cấp		1.000.000/người
4	Khuyến khích thêm	Là học sinh nữ và thuộc đối tượng quy định tại Khoản 1, 2, 3, Mục I	1.000.000/người
II	Khuyến khích học tập (thời gian 11 tháng/năm học)	Có hộ khẩu thường trú tại tỉnh Sơn La học các trường cao đẳng, trung cấp của tỉnh. Trừ đối tượng được hỗ trợ chính sách nội trú tại Quyết định số 53/2015/QĐ-TTg ngày 20/10/2015 của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định số 57/2017/NĐ-CP ngày 9/5/2017 của Chính phủ.	
1		Là người dân tộc thiểu số	447.000/người /tháng
2		Có hộ khẩu thường trú ở các xã, bản thuộc vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.	596.000/người/tháng
3		Là người dân tộc Mông, Dao, Kháng, Khơ Mú, Xinh Mun, Lào.	596.000/người/tháng
4	Trường hợp học sinh, sinh viên thuộc đối tượng hưởng nhiều mức hỗ trợ quy định tại Khoản 1,2,3, Mục II, phụ lục này thì chỉ được hưởng hỗ trợ ở mức cao nhất.		
5	Khuyến khích thêm	Là học sinh thuộc đối tượng tại Khoản 1, 2, 3, Mục II, Phụ lục này trúng tuyển vào học chuyên ngành Múa, Âm nhạc, Hội họa tại trường Trung cấp Văn hóa - Nghệ thuật và Du lịch của tỉnh.	447.000/người/tháng


CHỦ TỊCH

Nguyễn Thái Hưng

PHỤ LỤC SỐ 03

**NỘI DUNG, MỨC CHI KHUYẾN KHÍCH NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG DẠY VÀ HỌC ĐỐI VỚI
GIẢNG VIÊN, GIÁO VIÊN CÁC TRƯỜNG HỌC TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH**

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 124/2019/NQ-HĐND ngày 06/12/2019 của HĐND tỉnh)

STT	Nội dung hỗ trợ	Điều kiện để được hỗ trợ	Mức chi/người
			(đơn vị tính: nghìn đồng)
I	Giảng viên, giáo viên được công nhận là giáo viên dạy giỏi qua các kỳ thi		
1		Giáo viên các trường trung học phổ thông; giảng viên các trường cao đẳng, trung cấp dạy giỏi cấp trường được chọn đi dự thi giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh.	800.000
2		Giáo viên các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở dạy giỏi cấp huyện, thành phố.	1.500.000
3		Giảng viên, giáo viên dạy giỏi cấp tỉnh	3.000.000
4		Giảng viên, giáo viên dạy giỏi cấp Quốc gia	5.000.000
II	Giáo viên trực tiếp giảng dạy bộ môn có học sinh đạt giải qua kỳ thi chọn học sinh giỏi từ cấp huyện trở lên. Tính theo số học sinh đạt giải		
1	Cấp huyện		
1.1		Có học sinh đạt giải nhất	800.000
1.2		Có học sinh đạt giải nhì	500.000
1.3		Có học sinh đạt giải ba	300.000
1.4		Có học sinh đạt giải khuyến khích	200.000
2	Cấp tỉnh		
2.1		Có học sinh đạt giải nhất	1.500.000
2.2		Có học sinh đạt giải nhì	800.000
2.3		Có học sinh đạt giải ba	600.000
2.4		Có học sinh đạt giải khuyến khích	300.000
3	Cấp quốc gia		
3.1		Có học sinh đạt giải nhất	10.000.000
3.2		Có học sinh đạt giải nhì	8.000.000
3.3		Có học sinh đạt giải ba	6.000.000
3.4		Có học sinh đạt giải khuyến khích	4.000.000
4	Cấp quốc tế		
4.1		Có học sinh đạt huy chương vàng	25.000.000
4.2		Có học sinh đạt huy chương bạc	20.000.000
4.3		Có học sinh đạt huy chương đồng	15.000.000

III	Giáo viên trực tiếp ôn luyện cho đội tuyển tham dự kỳ thi chọn học sinh giỏi các cấp		
1	Thù lao ôn luyện		
1.1	Giáo viên tại các trường trung học phổ thông, các phòng giáo dục	Trực tiếp ôn luyện đội tuyển dự kỳ thi chọn học sinh giỏi cấp tỉnh. Thời gian dạy không quá 120 tiết/mỗi đội tuyển/kỳ thi.	45.000 đồng/tiết
1.2	Giáo viên trường THPT, trường THPT Chuyên và các trường PTDTNT	Được cử tham gia dạy đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia tại trường THPT Chuyên. Thời gian dạy không quá 300 tiết/mỗi đội tuyển/kỳ thi.	150.000 đồng/tiết
1.3	Chuyên gia	Tham gia dạy đội tuyển dự thi học sinh giỏi cấp quốc gia được trả tiền thù lao theo hợp đồng. Thời gian dạy không quá 150 tiết/mỗi đội tuyển/kỳ thi.	300.000 đồng/tiết
2	Giáo viên trực tiếp ôn luyện từng bộ môn có học sinh đạt giải qua kỳ thi chọn học sinh giỏi từ cấp huyện trở lên (tính theo số học sinh đạt giải)		
2.1	Cấp huyện		
a		Có học sinh đạt giải nhất	400.000
b		Có học sinh đạt giải nhì	300.000
c		Có học sinh đạt giải ba	200.000
d		Có học sinh đạt giải khuyến khích	100.000
2.2	Cấp tỉnh		
a		Có học sinh đạt giải nhất	800.000
b		Có học sinh đạt giải nhì	400.000
c		Có học sinh đạt giải ba	300.000
d		Có học sinh đạt giải khuyến khích	200.000
2.3	Cấp quốc gia		
a		Có học sinh đạt giải nhất	1.500.000
b		Có học sinh đạt giải nhì	1.200.000
c		Có học sinh đạt giải ba	800.000
d		Có học sinh đạt giải khuyến khích	500.000
IV	Giáo viên hướng dẫn có học sinh đạt giải tại cuộc thi nghiên cứu khoa học kỹ thuật cho học sinh trung học. Tính theo số học sinh đạt giải.		
1	Cấp huyện		
1.1		Giải nhất	800.000

1.2		Giải nhì	500.000
1.3		Giải ba	300.000
1.4		Giải khuyến khích	200.000
2	Cấp tỉnh		
2.1		Giải nhất	1.000.000
2.2		Giải nhì	500.000
2.3		Giải ba	400.000
2.4		Giải khuyến khích	200.000
3	Cấp quốc gia		
3.1		Giải nhất	2.000.000
3.2		Giải nhì	1.500.000
3.3		Giải ba	1.000.000
3.4		Giải khuyến khích	500.000
V Giáo viên làm tổng phụ trách Đội giỏi			
1	Cấp huyện, thành phố		1.500.000
2	Cấp tỉnh		3.000.000
3	Cấp quốc gia		5.000.000
VI Giáo viên chủ nhiệm giỏi			
1	Cấp huyện, thành phố		1.000.000
2	Cấp tỉnh		1.500.000
3	Cấp quốc gia		3.000.000

CHỦ TỊCH



Nguyễn Thái Hưng